TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 20 - 3 - 2026.
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Dẫn**
2. Bà **Võ Thị Ánh**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim N -** sinh năm 1990. Vắng mặt
Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh T** - sinh năm 1990. Vắng mặt
Cư trú: Ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới khoảng năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, thành phố Cần thơ nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/02/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mẫu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai, không có giải pháp gì để hàn gắn. Nay bà N không còn tình cảm với ông T, nên yêu cầu được giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông T có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Hồng G - sinh ngày 01/6/2017 và cháu Nguyễn Trọng N1 - sinh ngày 18/6/2019. Hiện cháu G đang sống với bà N, còn cháu N1 đang sống với ông T. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và nhường quyền nuôi dưỡng cháu N1 cho ông T; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông T đồng ý giao cho bà N nuôi dưỡng 02 cháu thì bà vẫn đồng ý và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của N về thời gian quen biết, tìm hiểu thời gian tổ chức lễ cưới cũng như thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà N có quen người đàn ông khác, ông T trong nhất thời ghen tuông không kìm chế nên có đánh bà N. Từ đó, ông T và N đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp hàn gắn. Nay ông T còn thương vợ và mong muốn hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Hồng G - sinh ngày 01/6/2017 và cháu Nguyễn Trọng N1 - sinh ngày 18/6/2019. Trường hợp nếu Toà giải quyết cho ly hôn thì ông T yêu cầu xem xét cho ông được nuôi dưỡng 02 cháu hoặc bà N nuôi cả 02 cháu; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, bà N và ông T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Minh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà N khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn đều đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N

và ông Nguyễn Minh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn. Nay bà N cương quyết xin ly hôn, ông T không thuyết phục được. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Ông T và bà N có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Hồng G - sinh ngày 01/6/2017 và cháu Nguyễn Trọng N1 - sinh ngày 18/6/2019. Bà N và ông T đều có ý kiến yêu cầu được nuôi cả cháu G và cháu N1, tuy nhiên ông T cũng đồng ý để cho bà N nuôi cả 02 cháu. Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Hồng G có nguyện vọng được tiếp tục chung sống mới mẹ. Vì thế, nghĩ nên giao cho bà N nuôi dưỡng cả cháu G và cháu N1, để nhằm gắn kết tình cảm chị em là phù hợp. Nếu sau này điều kiện hoàn cảnh thay đổi thì đương sự có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, không có khả năng tự lo cho cuộc sống của mình. Tuy nhiên, cả bà N và ông T đều thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con; nghĩ nên chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con: Giao hai người con là cháu Nguyễn Thị Hồng G - sinh ngày 01/6/2017 và cháu Nguyễn Trọng N1 – sinh ngày 18/6/2019 cho bà Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N và ông T, không ai được cản trở. Bà N, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Chị Dương Huỳnh N2 phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002851 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận chị N2 đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.